

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2021/KDTM-PT
Ngày: 23/3/2021.
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Bà Ngô Tuyết Băng
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 281/2020/KTPT ngày 17/12/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXX-PT ngày 25/02/2021, giữa:

* *Nguyên đơn:* Công ty TNHH X (X); có trụ sở tại: số 22 H, phường L, quận H, H.
Người đại diện theo ủy quyền:
Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D(G Bank); Địa chỉ: số 109 T, quận H, thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm H.T- Chức vụ: Tổng Giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn D.B- Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch L.

* *Bị đơn:* 1. Bà Bùi Thị D, sinh năm: 1974;
2. Ông Hoàng Minh T, sinh năm: 1973;
Cùng địa chỉ: Nhà số 10, ngách 110/44 tổ dân phố Y 2, phường L, quận B, thành phố H.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị G - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư M- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* 1. Anh Hoàng Minh T, sinh năm: 1994;
2. Chị Nông Thị N, sinh năm: 1994;
3. Cháu Hoàng B.N, sinh năm: 2019;
(Cháu Ngân do anh T và chị N là bố mẹ đẻ làm người đại diện theo pháp luật);
Cùng địa chỉ: Nhà số 10, ngách 110/44 tổ dân phố Y 2, phường L, quận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 19/07/2012, Ngân hàng TMCP D (sau đây gọi tắt là Ngân hàng/G bank/nguyên đơn) cùng bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T ký Hợp đồng tín dụng số: 0206/DD/2012/HĐTD và khế ước nhận nợ kèm theo, nội dung cơ bản như sau:

- Số tiền vay: 2,000,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng).
- Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 19/07/2012 đến 19/07/2013
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng bia rượu, nước giải khát, thuốc lá, chè.

- Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 25 hàng tháng. Lãi suất kỳ đầu tiên là 16%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của G bank tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng kế ước nhận nợ/hoặc cách xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của G bank tại từng thời kỳ.

- Hình thức trả nợ: Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

- Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 7(3), tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Ythuộc sở hữu của bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: AĐ 468934, MS 5980315, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H0315, số QĐ 4189/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2005. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 4762.2011/HĐTC ngày 14/07/2011 giữa Ngân hàng TMCP D– Chi nhánh Thăng Long - PGD TT Đ và bên thế chấp là bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T, đã được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, với nội dung: Bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T đồng ý thế chấp Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 7(3), tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Yđể bảo đảm cho khoản vay của bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T tại Ngân hàng, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Tính chất pháp lý của hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ và hợp pháp.

Khi khoản vay phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần trực tiếp đến gặp bên vay vốn để bàn việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký, tìm cách tháo gỡ cho khoản vay, đồng thời có yêu cầu xử lý tài sản để trả nợ cho Nguyên đơn. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc, trao đổi với bên vay, tuy nhiên không nhận được sự hợp tác, khách hàng cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, chây ỳ, cũng không bàn giao tài sản cho nguyên đơn xử lý.

Ngân hàng đã bán khoản nợ của bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng X (sau đây gọi tắt là X) qua Hợp đồng mua, bán nợ số 6677/2014/MBN.X2-G BANK. Nay, Ngân hàng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Hợp đồng ủy quyền số 5903/2014/UQ.X2-G BANK và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ủy quyền.

Tạm tính đến ngày 03/08/2020 tổng nợ quá hạn hai khoản vay của bà D, ông T tại là: 5.608.392.897 đồng (*Năm tỷ, sáu trăm lẻ tám triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó bao gồm:

+ Nợ gốc : 1.993.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn : 191.023.745 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn : 3.424.369.152 đồng.

Lãi vay tiếp tục phát sinh theo thời gian.

Để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nguyên đơn, kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T thanh toán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng X số tiền nợ quá hạn tạm tính đến ngày 03/08/2020 là: 5.608.392.897 đồng (*Năm tỷ, sáu trăm lẻ tám triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó bao gồm:

+ Nợ gốc : 1.993.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn : 191.023.745 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn : 3.424.369.152 đồng.

- Buộc bên vay vốn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 04/08/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trong trường hợp Bên vay vốn chưa hoặc không thanh toán dứt điểm khoản nợ trên, thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, trường hợp phát mại tài sản nhưng không thu đủ các khoản nợ, Bên vay vốn sẽ phải tiếp tục nhận nợ và trả đầy đủ cho đến khi thanh toán dứt điểm các khoản vay.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn là bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T trình bày:

Bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T đồng ý về khoản vay mà phía nguyên đơn đã chốt công nợ và vấn đề thế chấp tài sản đảm bảo là đúng.

Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông bà đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện, mỗi tháng ông bà xin trả 1.000.000đ bắt đầu từ 30/8/2020 cho đến 30/8/2021 ông bà sẽ trả dứt điểm toàn bộ số tiền gốc còn lại là 1.981.000.000đ. Ông bà xin miễn toàn bộ các khoản lãi phát sinh đối với khoản vay của ông bà.

Trường hợp ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông bà đồng ý để nguyên đơn tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay của gia đình là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 7 (3), tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Ythuộc sở hữu của bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T theo GCN QSDĐ số AĐ 468934, MS 5980315, số vào sổ cấp GCN QSDĐ H0315, số QĐ 4189/QĐ-UB do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2005.

Về án phí: Ông bà đề nghị giải quyết theo quy định theo quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Minh T và chị Nông Thị N trình bày:

Anh Hoàng Minh T và chị Nông Thị N là con của ông Hoàng Minh T và bà Bùi Thị D. Hiện nay, gia đình anh chị đang trực tiếp sinh sống trên thửa đất đã thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của ông T và bà D. Việc thế chấp tài sản đảm bảo của bố mẹ anh chị, anh chị không có ý kiến gì. Đề nghị tạo điều kiện cho bố mẹ anh chị trả nợ dần.

Tại Bản án sơ thẩm số 30/2020/KDTM-ST ngày 31/08/2020 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng X đối với bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, theo Hợp đồng tín dụng số: 0206/DD/2012/HĐTD ngày 19/7/2012 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần D với bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T.

2. Buộc bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T phải trả Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng X tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 31/08/2020 là 5.315.249.808 đồng (*Năm tỷ, ba trăm mười lăm triệu, hai trăm bốn chín ngàn, tám trăm lẻ tám đồng*). Trong đó: nợ gốc: 1.993.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 191.023.745 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.131.226.063 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Nguyên đơn cho vay.

3. Trong trường hợp bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng X có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là: quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 7(3), tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Y(Nay thuộc địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường L, quận B, thành phố H) thuộc sở hữu của bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 468934, MS 5980315, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H0315, số QĐ 4189/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2005.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi khoản nợ được tất toán.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn là ông Hoàng Minh T và bà Bùi Thị D kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp của gia đình ông bà.

Tại tòa án cấp phúc thẩm và phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ có các nội dung chính sau:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là bà Bùi Thị D, ông Hoàng Minh T, có địa chỉ tại tổ dân phố Y, phường L, quận B, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ngày 19/7/2012, Ngân hàng TMCP D(Nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên D) ký kết Hợp đồng tín dụng số: 0206/DD/2012/HĐTD với bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 19/07/2012 đến 19/07/2013; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng bia rượu, nước giải khát, thuốc lá, chè; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 25 hàng tháng; Lãi suất kỳ đầu tiên là 16%/năm; Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của G bank tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng kế ước nhận nợ/hoặc cách xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của G bank tại từng thời kỳ. Ngân hàng đã giải ngân cho bà D và ông T theo đúng hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ.

Ngân hàng đã bán khoản nợ của bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng X (X) qua Hợp đồng mua, bán nợ số: 6677/2014/MBN.X2-G BANK và là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn X theo Hợp đồng ủy quyền số 5903/2014/UQ.X2-G BANK và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ủy quyền.

Xét nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T không thực hiện việc trả nợ đúng như cam kết trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, nên theo thỏa thuận đã ký, Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng X quyết định khởi kiện thu hồi nợ đối với khoản vay của bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T. Việc bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng X thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật.

Xét thấy, sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng, việc đã giải ngân cho bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T tổng số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng đã được thực hiện theo đúng cam kết. Bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T đã không thực hiện đúng việc trả tiền gốc và lãi vay theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, nên bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T là bên có lỗi và vi phạm hợp đồng nên phải chịu hậu quả của giao dịch đã giao kết theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền gốc đã vay là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: Thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng lãi suất cho vay và đã được Ngân hàng tính toán, thực hiện theo đúng hợp đồng, theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất của bên cho vay và phù hợp với quy định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm điều chỉnh nên có giá trị thi hành đối với các bên.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 0206/DD/2012/HĐTD ngày 19/7/2012 với tổng số tiền là 5.315.249.808 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.993.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 191.023.745 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.131.226.063 đồng là có căn cứ.

- Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho khoản vay, Nguyên đơn, Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ký kết 01 Hợp đồng thế chấp tài sản là: quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 7(3), tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Y(Nay thuộc tổ dân phố Y, phường L, quận B, thành phố H).

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, về hình thức, thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại Điều 106, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003, Điều 342, Điều 343, Điều 344 và các Điều 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên là có hiệu lực thi hành.

Việc bà D, ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán là cơ sở để Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Do đó yêu cầu của Ngân hàng về việc được kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số tiền nợ khi bà D, ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 330.283.982 đồng tiền lãi do tính lãi hai lần đối với bị đơn. Việc rút một phần tiền lãi như nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận nhưng lại không đình chỉ đối với yêu cầu này là thiếu sót cần phải rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

L luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tương tự như lời trình bày của bị đơn đã được HĐXX phân tích không phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 59 và Điều 60 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 122; các Điều 342; 343; 348; 355; 471; 474; 476 Bộ luật Dân sự 2005;
- Điều 93; 618; 318; 319; 361; 362; 363 - Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 106, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;
- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2020/KDTM-ST ngày 31/08/2020 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X (X) đối với bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T.

Buộc bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T phải trả nợ cho Công ty TNHH X (X) theo Hợp đồng tín dụng số: 0206/DD/2012/HĐTD ngày 19/7/2012, cụ thể như sau:

- Nợ gốc là 1.993.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn là 191.023.745 đồng;
- Nợ lãi quá hạn (tính đến ngày 31/08/2020) là 3.131.226.063 đồng;
- Tổng cộng là 5.315.249.808 đồng.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Trường hợp bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH X (X) có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là: quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 7(3), tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ: Y(Nay thuộc địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường L, quận B, thành phố H) thuộc sở hữu của bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 468934, MS 5980315, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H0315, số QĐ 4189/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2005.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi khoản nợ được tất toán.

3. Ghi nhận sự tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH X (X) đối với khoản tiền lãi là 330.283.982 đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

Bị đơn là bà Bùi Thị D và ông Hoàng Minh T phải chịu 113.315.250 đồng án phí sơ thẩm và 2.000.000 đồng tiền án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số ngày..... Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Còn phải chịu 113.315.250 đồng.

Hoàn trả Công ty TNHH X (X) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.400.000 đồng theo Biên lai số 02831 ngày 04/7/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/03/2021.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thành